

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-KCNĐN ngày 11/4/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các loại ống dùng trong thiết bị điện gia dụng, công suất: 7.200.000 mét/năm (tương đương 200 tấn/năm); Sản xuất, gia công linh kiện, phụ kiện dùng trong thiết bị điện gia dụng, công suất: 7.000.000 bộ sản phẩm/năm (tương đương 350 tấn/năm); Sản xuất khuôn các loại, công suất: 150 bộ sản phẩm/năm (tương đương 300 tấn/năm)” của Công ty TNHH DSD Pmoulding (Việt Nam) tại Nhà xưởng số 8, đường số 9, KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 1052/KCNĐN-MT ngày 03/5/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty TNHH DSD Pmoulding (Việt Nam);

Xét đề nghị của Công ty TNHH DSD Pmoulding (Việt Nam) tại văn bản số 02-24/DSD đề ngày 15/7/2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án tại Nhà xưởng số 8, đường số 9, KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH DSD Pmoulding (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các loại ống bằng nhựa dùng trong thiết bị điện gia dụng, công suất: 7.200.000 mét/năm (tương đương 200 tấn/năm); Sản xuất, gia công linh kiện, phụ kiện bằng nhựa và kim loại dùng trong thiết bị điện gia dụng, công suất: 7.000.000 bộ sản phẩm/năm (tương đương 350 tấn/năm); Sản xuất khuôn các loại bằng kim loại, công suất: 150 bộ sản phẩm/năm (tương đương 300 tấn/năm)” tại Nhà xưởng số 8, đường số 9, KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất, gia công các loại ống bằng nhựa dùng trong thiết bị điện gia dụng, công suất: 7.200.000 mét/năm (tương đương 200 tấn/năm); Sản xuất, gia công linh kiện, phụ kiện bằng nhựa và kim loại dùng trong thiết bị điện gia dụng, công suất: 7.000.000 bộ sản phẩm/năm (tương đương 350 tấn/năm); Sản xuất khuôn các loại bằng kim loại, công suất: 150 bộ sản phẩm/năm (tương đương 300 tấn/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng số 8, đường số 9, KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3603950367 đăng ký lần đầu ngày 29/02/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 3204687330 chứng nhận lần đầu ngày 07/02/2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603950367.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các loại ống bằng nhựa dùng trong thiết bị điện gia dụng; Sản xuất, gia công linh kiện, phụ kiện bằng nhựa và kim loại dùng trong thiết bị điện gia dụng; Sản xuất khuôn các loại bằng kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng 3.513,1 m² (thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê nhà xưởng ngày 01/03/2024).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án đầu tư nhóm II (phân loại theo tiêu chí môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: 7.200.000 mét/năm tương đương 200 tấn/năm (Các loại ống bằng nhựa dùng trong thiết bị điện gia dụng); 7.000.000 bộ sản phẩm/năm tương đương 350 tấn/năm (Linh kiện, phụ kiện bằng nhựa và kim loại dùng trong thiết bị điện gia dụng); 150 bộ sản phẩm/năm tương đương 300 tấn/năm (Khuôn các loại bằng kim loại).

- Sơ lược quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất các loại ống nhựa: *Nguyên liệu (hạt nhựa nguyên sinh) → Trộn → Thổi ống → Tạo hình → Làm mát → Sấy → Kiểm tra → Đóng gói → Xuất bán/Đưa vào dây chuyền sản xuất tiếp theo.*

+ Quy trình sản xuất chi tiết linh kiện, phụ kiện bằng nhựa: *Nguyên liệu (hạt nhựa nguyên sinh) → Trộn → Sấy → Đùn nóng chảy → Ép khuôn → Làm mát → Cắt gọt rìa → Kiểm tra → Gắn sản phẩm → Đóng gói → Lưu kho → Xuất bán/Đưa vào dây chuyền sản xuất tiếp theo.*

+ Quy trình cây sợi (sản phẩm bàn chải, cọ, chổi quét của linh kiện phụ kiện bằng nhựa): *Nguyên liệu (Sợi) → Cắt sợi → Cây sợi → Làm bằng phẳng → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.*

+ Quy trình lắp ráp linh kiện, phụ kiện bằng kim loại (sản phẩm tay cầm có kim loại, lưới lọc kim loại, chi tiết nhựa có gắn đinh, vít...): *Các bộ phận, chi tiết nhựa → Lắp ráp (khớp nối/dán keo) với các chi tiết kim loại → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.*

+ Quy trình sản xuất khuôn kim loại: *Nguyên liệu → Đục lỗ/Cắt đế khuôn → Cắt → Mài góc → Lắp ráp → Kiểm tra → Thành phẩm.*

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (TH).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải của dự án sau xử lý sơ bộ được đưa về hệ thống thu gom nước thải (tại 01 hố ga của Nhà xưởng 8 thuộc đường số 9 của KCN), sau đó đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền.

- Chủ dự án và Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Giang Điền (Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền) đã ký Hợp đồng xử lý nước thải tại KCN Giang Điền số 01/2024/HĐNT/GĐ ngày 01/7/2024.

- Đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai) và Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Giang Điền (Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền) đã ký Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN số 58/BB-SZG-KTh ngày 04/3/2020 (trong đó thể hiện vị trí hố ga đầu nối nước thải riêng của từng nhà xưởng). Đơn vị cho thuê nhà xưởng đã đầu tư hoàn thiện, thiết kế đường ống thu gom, thoát nước thải, hố ga đầu nối nước thải riêng biệt của từng nhà xưởng cho thuê để đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của KCN Giang Điền.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền theo Hợp đồng xử lý nước thải tại KCN Giang Điền số 01/2024/HĐNT/GĐ ngày 01/7/2024.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng dự kiến 6,4 m³/ngày đêm được dẫn qua 03 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 22 m³ bằng hệ thống đường ống nhựa PVC Ø140mm để về hố ga đầu nối nước thải riêng của Nhà xưởng 8 (Hố ga NX8 trên đường số 9 của KCN); sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền. Tổng chiều dài hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án khoảng 168m.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh văn phòng, nhà xưởng với lưu lượng dự kiến 0,5 m³/ngày đêm được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE Ø150mm để về hố ga đầu nối nước thải riêng của Nhà xưởng 8 (Hố ga NX8 trên đường số 9 của KCN); sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền.

- Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát ở công đoạn đùn ép nhựa với lưu lượng dự kiến 0,5 m³/lần/3 tháng được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE Ø150mm để về hố ga đầu nối nước thải riêng của Nhà xưởng 8 (Hố ga NX8 trên

đường số 9 của KCN); sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải: *Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 03 ngăn + nước thải vệ sinh văn phòng, nhà xưởng + nước thải từ quá trình làm mát* → *Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền (tại 01 hố ga số NX8 riêng biệt trên đường số 09 của KCN).*

- Công suất thiết kế: 03 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 22 m³ (02 bể có thể tích 10 m³/bể; 01 bể có thể tích 2 m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Giang Điền và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo hợp đồng xử lý nước thải giữa Chủ dự án, Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (đơn vị đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Giang Điền), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ 05 máy ép nhựa (không có dòng thải do không qua ống thoát khí thải).

2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT trong trường hợp có phát sinh khí thải tại nguồn.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ 05 máy ép nhựa được thu gom bằng hệ thống đường ống bằng nhựa với kích thước $\varnothing 200$ mm về 05 thiết bị thu gom bụi túi vải (đi kèm máy móc thiết bị sản xuất), sau đó thoát ra ngoài môi trường lao động (không có ống thoát khí thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Thiết bị thu gom bụi phát sinh từ 05 máy ép nhựa (nguồn số 01).

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi* → *Ống dẫn* → *Túi vải* → *Thu hồi bụi*.

- Công suất thiết kế: 01 thiết bị với công suất thiết kế $500 \text{ m}^3/\text{giờ}$; 4 thiết bị công suất thiết kế $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{thiết bị}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố; chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố theo quy định.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ máy nén khí.
- Nguồn số 02: từ máy nghiền nhựa.
- Nguồn số 03: từ máy tiện.
- Nguồn số 04: từ máy mài.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: từ máy nén khí. Tọa độ: X = 1205670; Y = 416347.
- Nguồn số 2: từ máy nghiền. Tọa độ: X = 1205607; Y = 416282.
- Nguồn số 3: từ máy tiện. Tọa độ: X = 1205607; Y = 416282.
- Nguồn số 4: từ máy mài. Tọa độ: X = 1205607; Y = 416282.

Ghi chú: Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° .

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

| S T T | QCVN 26:2010/BTNMT | | QCVN 24:2016/BYT | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|-------------|------------------------------------|------------------------------------|--|---|---|-------------------------|
| | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ) | Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA | | |
| 1 | 70 | 55 | 8 | 85 | - | Khu vực thông thường |

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

| STT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | Từ 6 giờ đến 21 giờ | Từ 21 giờ đến 6 giờ | | |
| 1 | 70 | 60 | - | Khu vực thông thường |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| STT | Tên chất thải | Mã chất thải | Trạng thái tồn tại | Ký hiệu phân loại | Khối lượng (kg/năm) |
|---|--|--------------|--------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Que hàn thải | 07 04 01 | Rắn | KS | 0,002 |
| 2 | Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) | 08 03 01 | Lỏng | KS | 0,15 |
| 3 | Vụn kim loại dính dầu thải | 11 04 01 | Rắn | KS | 302 |
| 4 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | 16 01 06 | Rắn | NH | 5 |
| 5 | Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện | 16 01 13 | Rắn | NH | 20 |
| 6 | Dầu thủy lực tổng hợp thải | 17 01 06 | Lỏng | NH | 800 |
| 7 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | 17 02 03 | Lỏng | NH | 1.280 |
| 8 | Bao bì mềm thải | 18 01 01 | Rắn | KS | 50 |
| 9 | Bao bì kim loại cứng thải | 18 01 02 | Rắn | KS | 80 |
| 10 | Bao bì nhựa cứng thải | 18 01 03 | Rắn | KS | 60 |
| 11 | Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | Rắn | KS | 180 |
| 12 | Ắc quy chì thải | 19 06 01 | Rắn | NH | 5 |
| 13 | Pin Ni-Cd thải | 19 06 02 | Rắn | NH | 5 |
| Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm) | | | | | 2.787,152 |

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

| STT | Tên chất thải | Mã chất thải | Trạng thái tồn tại | Ký hiệu | Khối lượng (kg/năm) |
|---|---|--------------|--------------------|---------|---------------------|
| 1 | Nhóm nhựa không nhiễm các thành phần nguy hại | - | Rắn | - | 2.220 |
| 2 | Nhóm kim loại không nhiễm các thành phần nguy hại | 07 03 13 | Rắn | TT | 1.691 |
| 3 | Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng) | 08 02 08 | Rắn | TT | 6 |
| 4 | Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy loại bỏ từ văn phòng | 18 01 05 | Rắn | TT | 160 |
| 5 | Pallet gỗ | 09 01 02 | Rắn | TT | 1 |
| 6 | Bùn thải từ bể tự hoại | - | Bùn | | 1.510 |
| Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm) | | | | | 5.588 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

| STT | Tên chất thải | Khối lượng (tấn/năm) |
|--|--|----------------------|
| 1 | Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm | 7,48 |
| 2 | Chất thải rắn sinh hoạt còn lại | 5 |
| Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm) | | 12,48 |

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại bên trong nhà xưởng có rào chắn xung quanh, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường bên trong nhà xưởng có rào chắn xung quanh, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 10 lít, 60 lít tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thùng rác lớn 660 lít được tập trung ở khu vực xưởng của dự án, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh Đồng Nai, Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, UBND huyện Trảng Bom, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI